

Bản án số: 109/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2024
V/v Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Quốc Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hà.
 2. Ông Huỳnh Văn Hồng.
- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trúc - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Lê Thị Hồng Đ** – sinh năm: 1983 (xin vắng mặt).
 - Bị đơn: anh **Ngô Hồng V** – sinh năm: 1982 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: **ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2024, nguyên đơn chị **Lê Thị Hồng Đ** trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị **Đ** và anh **Ngô Hồng V** chung sống với nhau vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện, do quen biết, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T** vào ngày 14/4/2003.

Sau ngày cưới, chị và anh **V** sống riêng tư tại **ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và được gia đình hai bên nhắc nhở nhiều lần nhưng mâu thuẫn không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng hơn. Hiện vợ chồng sống chung nhưng ai cũng có cuộc sống riêng không quan tâm gì đến nhau. Chị và anh **V** đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **Đ** yêu cầu ly hôn với anh **Ngô Hồng V**.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Lê Minh H**, sinh ngày 15/9/2000 và **Ngô Minh H1** – sinh ngày: 14/3/2003. Do con chung đã thành niên nên khi ly hôn chị **Đ** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: chị **Đ** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai đề ngày 03/5/2024 bị đơn anh **Ngô Hồng V** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh **V** và chị **Đ** sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**. Thời gian chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn, cùng quan điểm sống, không cự cãi nhau, vợ chồng hòa thuận. Nay chị **Đ** yêu cầu ly hôn thì anh **V** không đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Lê Minh H**, sinh ngày 15/9/2000 và **Ngô Minh H1** – sinh ngày: 14/3/2003. Do con chung đã thành niên nên anh **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị **Lê Thị Hồng Đ** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh **Ngô Hồng V**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Xét thấy, anh **Ngô Hồng V** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do; chị **Đ** có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị **Đ**, anh **V** theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đ** và anh **V** tự nguyện chung sống với nhau do quen biết, được gia đình hai bên thừa nhận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T** vào ngày 14/4/2003 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị **Đ** trình bày chị và anh **V** chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và được gia đình hai bên nhắc nhở nhiều lần nhưng mâu thuẫn không được khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn. Hiện vợ chồng sống chung nhưng ai cũng có cuộc sống riêng không quan tâm gì đến nhau. Chị và anh **V** đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia

đình. Thực tế, giữa chị Đ và anh V không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Qua đó cho thấy, hôn nhân giữa chị Đ và anh V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 15/9/2000 và Ngô Minh H1 – sinh ngày: 14/3/2003. Do con chung đã thành niên chị Đ, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Đ, anh V không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đ phải nộp án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng Đ.

Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Ngô Hồng V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 15/9/2000 và Ngô Minh H1 – sinh ngày: 14/3/2003. Do con chung đã thành niên chị Lê Thị Hồng Đ, anh Ngô Hồng V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị Lê Thị Hồng Đ, anh Ngô Hồng V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N⁰0008952 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- **UBND xã T**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc H2

